

Số: 499/TB-CDCT

Phủ Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2021

THÔNG BÁO
Về việc thu học phí học kỳ 1 - năm học 2021 - 2022

Căn cứ Quyết định số 1927/QĐ-BCT, ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 370/QĐ-CDCT, ngày 13/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung về việc quy định mức thu học phí của học sinh sinh viên năm học 2021 – 2022.

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung thông báo cho học sinh toàn trường mức học phí học kỳ 1 – năm học 2021-2022 như sau:

1. Các lớp học theo giờ hành chính

1.1. Trình độ cao đẳng chính quy thu theo niên chế

Áp dụng cho sinh viên các khóa học 42, 43, 44

| TT | Nhóm ngành, nghề | Ngành/ngành đào tạo | Mức thu đồng/tháng |
|----|---|--|--------------------|
| 1 | Khoa học xã hội, kinh tế, luật, nông, lâm, thủy sản | - Tài chính – Ngân hàng - Kế toán - Quản trị kinh doanh - Kinh doanh thương mại | 780.000 |
| 2 | Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch. | - Thiết kế đồ họa - Công nghệ thông tin - Truyền thông và mạng máy tính - Công nghệ ô tô - Công nghệ kỹ thuật cơ khí - Hàn - Cắt gọt kim loại - Công nghệ chế tạo máy - Điện công nghiệp - Điện tử công nghiệp - Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí - Công nghệ cơ điện tử - Công nghệ điều khiển và tự động hóa - Lắp đặt bảo trì hệ thống năng lượng tái tạo - Công nghệ kỹ thuật trắc địa - Công nghệ kỹ thuật địa chất - Công nghệ kỹ thuật hóa học - Công nghệ thực phẩm - Công nghệ kỹ thuật môi trường - Quản lý đất đai - Hướng dẫn du lịch - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống | 940.000 |

| | | | |
|--|--|---|--|
| | | - Quản trị khách sạn - Công nghệ may - Kỹ thuật chế biến món ăn | |
|--|--|---|--|

* Học phí được thu 05 tháng mỗi học kỳ, khóa học thu 06 học kỳ.

1.2. Trình độ trung cấp chính quy thu theo niên chế

Áp dụng cho học sinh các khóa 43, 44

| TT | Nhóm ngành | Ngành/Nghề đào tạo | Mức thu đồng/ tháng |
|----|---|---|---------------------|
| 1 | Khoa học xã hội, kinh tế, luật, nông, lâm, thủy sản | Ngành: - Kế toán doanh nghiệp - Quản lý doanh nghiệp - Kinh doanh thương mại | 690.000 |
| 2 | Kỹ thuật, công nghệ, nghệ thuật; du lịch | Nhóm ngành, nghề: - Công nghệ thông tin - Quản trị mạng máy tính - Điện tử công nghiệp - Công nghệ kỹ thuật địa chất - Trắc địa – Địa hình - Địa chính - Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí - Điện công nghiệp - Lắp đặt bảo trì hệ thống năng lượng tái tạo - Công nghệ kỹ thuật cơ khí - Hàn - Công nghệ ô tô - Cắt gọt kim loại - Công nghệ kỹ thuật ô tô – máy kéo - Hóa phân tích - Khoan thăm dò địa chất - Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn - Quản trị khách sạn - Công nghệ may và thời trang - Kỹ thuật chế biến món ăn - Chăm sóc sắc đẹp - Hướng dẫn du lịch - Sinh học ứng dụng | 820.000 |

* Học phí được thu 05 tháng mỗi học kỳ, khóa học thu 04 học kỳ.

1.3. Thu học phí theo tín chỉ

1.3.1. Trình độ cao đẳng chính quy

(Áp dụng cho sinh viên học lại theo lớp đang mở)

| Năm học | Loại học phần | Kinh tế | Kỹ thuật, công nghệ, nghệ thuật |
|-------------------------|-------------------------|--------------------------|---------------------------------|
| 2021-2022 (Học kỳ 1) | Lý thuyết, Thực hành | 290.000 đồng/ 01 tín chỉ | 350.000 đồng/ 01 tín chỉ |

1.3.2. Trình độ trung cấp chính quy

(Áp dụng cho học sinh học lại theo lớp đang mở)

| Năm học | Loại học phần | Kinh tế | Kỹ thuật, công nghệ, nghệ thuật |
|-------------------------|--------------------------------------|--------------------------|---------------------------------|
| 2021-2022 (Học kỳ 1) | Lý thuyết, Thực hành, Tích hợp | 242.000 đồng/ 01 tín chỉ | 288.000 đồng/ 01 tín chỉ |

* Học sinh sinh viên học lại theo lớp riêng được tính cho lớp chuẩn 10 người (đóng bù đủ số học phí cho lớp 10 người nếu số lượng ít hơn lớp chuẩn)

2. Các lớp chính quy học ngoài giờ hành chính, học kỳ hè

Học phí các lớp Cao đẳng chính quy, liên thông, trung cấp học ngoài giờ hành chính, học kỳ hè được tính bằng 1,2 lần so với các lớp trong giờ hành chính (trừ môn học Giáo dục quốc phòng) cụ thể như sau:

2.1. Trình độ cao đẳng

| TT | Nhóm ngành, nghề | Ngành/ nghề đào tạo | Mức thu đ/ tháng |
|----|---|---------------------|---------------------|
| 1 | Khoa học xã hội, kinh tế | Mục 1, Khoản 1.1 | 936.000 |
| 2 | Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch. | Mục 2. Khoản 1.1 | 1.128.000 |

2.2. Trình độ trung cấp

| TT | Nhóm ngành, nghề | Ngành/ nghề đào tạo | Mức thu đ/ tháng |
|----|---|---------------------|---------------------|
| 1 | Khoa học xã hội, kinh tế | Mục 1, Khoản 1.2 | 828.000 |
| 2 | Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch. | Mục 2. Khoản 1.2 | 984.000 |

3. Mức học phí các lớp theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp hoặc nhóm cá nhân có nhu cầu

Học phí các lớp đào tạo theo đơn đặt hàng các doanh nghiệp hoặc nhóm cá nhân theo thỏa thuận căn cứ vào tình hình thực tế và thông báo mở lớp.

4. Thời gian nộp học phí

Thời gian nộp học phí: Từ ngày thông báo đến **hết ngày 30/9/2021**.

HSSV nộp học phí vào tài khoản của trường:

Tài khoản số: 0400.9520.2456 – tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Phú Yên (Sacombank Phú Yên).

Chủ tài khoản (người thụ hưởng): Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung

Khi nộp tiền vào tài khoản cần cung cấp các thông tin: Mã sinh viên, Họ tên, Lớp để Phòng Kế hoạch – Tài chính xác nhận công nợ học phí.

Sau thời gian trên, học sinh sinh viên chưa nộp học phí không được dự thi (kể các các học phần thi lại đã học và thi lần 1 ở các kỳ trước), không xét thi đua, học bổng, bảo lưu kết quả học tập, xác nhận,...

Đề nghị Trưởng các đơn vị liên quan và HSSV các lớp trong toàn trường thực hiện đúng Thông báo này./. ✓

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Các đơn vị;
- Website P. QLĐT, Cổng thông tin HSSV;
- Lưu: VT, QLĐT. MN. ✓



Trần Kim Quyên